

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2012

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: D14 -D6 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Đường số 3 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần.

Các Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính này bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Cao Bằng	55%	55%	Mua bán sách, tạp chí, bản đồ, giấy viết, dụng cụ học tập....
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Hà Nội	100%	65%	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP;...

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 01 năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); dịch vụ hỗ trợ
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

### **2.3 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **2.5 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### **2.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.7 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **2.8 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **2.9 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm

▪ Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
▪ Phần mềm quản lý	10 năm

#### **2.10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **2.11 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16" Chi phí đi vay".

#### **2.12 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **2.14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

#### **2.15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**3 . TIỀN**

	30/09/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tiền mặt	692,516,030	220,123,857
Tiền gửi ngân hàng	2,356,563,771	1,567,746,428
Các khoản tương đương tiền	63,835,990,150	70,090,000,000
(Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)		
<b>Cộng</b>	<b>66,885,069,951</b>	<b>71,877,870,285</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

30/09/2012

1/1/2012

	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	12,315,184,245	11,942,654,521
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
<b>Cộng</b>	<b>12,315,184,245</b>	<b>11,942,654,521</b>

- Cho Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/2/2010 với lãi suất cho vay là 13%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 30/09/2012 là 4.705.184.245 đ.

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng tiền gửi số 383.007.350409.TG ngày 28/12/2011 với lãi suất 14%/năm, kỳ hạn 12 tháng với số tiền 310.000.000 đ.

- Cho Công ty CP In và phát hành sách Việt Nam vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2012/SGDHN ngày 03/01/2012 để kinh doanh In và phát hành sách với lãi suất cho vay là 17%/năm số tiền là 2.800.000.000 đồng.

- Cho Cty CP In Khoa học công nghệ Hà Nội vay theo hợp đồng vay vốn số 02/2011/SGDHN ngày 21/07/2011 với lãi suất 18.5%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 30/09/2012 là 4.500.000.000 đ.

## 5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2012 VND	1/1/2012 VND
Phải thu tiền chuyển cho Viện Khoa học Công nghệ	1,400,000,000	1,400,000,000
Phải thu tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương Đông Anh, Hà Nội	-	-
	1,915,500,000	1,915,500,000
Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung Tâm XBản- P/hành SGK	200,000,000	200,000,000
Dự thu lãi cho vay, các khoản đầu tư		935,507,222
Phải thu Ông Trần Đức Quỳnh theo hợp đồng môi giới nhà đất		100,000,000
Phải thu tiền thuế TNDN tạm nộp 2% của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		579,000,000
Phải thu khác	199,918,660	230,717,541
<b>Cộng</b>	<b>3,715,418,660</b>	<b>5,360,724,763</b>

## 6 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2012 VND	1/1/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4,293,662,620	2,444,397,885
Công cụ, dụng cụ	-	-
Vật tư giao in gia công	3,991,760,661	1,984,849,411
Thành phẩm	16,924,945,180	15,494,973,908
Hàng hóa	10,692,068,831	6,607,418,241
Hàng gửi đi bán	2,070,665,828	759,472,720
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,448,572,584)	(1,448,572,584)
<b>Cộng</b>	<b>36,524,530,536</b>	<b>25,842,539,581</b>

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

## 7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

30/09/2012 VNĐ	1/1/2012 VNĐ
-------------------	-----------------

Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	591,476,934	591,476,934
Chi phí sửa chữa cửa hàng	206,315,040	
Chi phí trả trước khác	425,601,197	
<b>Cộng</b>	<b>1,223,393,171</b>	<b>591,476,934</b>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	30/09/2012	1/1/2012
	VNĐ	VNĐ
Thuế môn bài	-	126,209,633
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>126,209,633</b>

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2012	1/1/2012
	VNĐ	VNĐ
Tạm ứng	800,618,500	1,050,600,700
Tài sản thiếu chờ xử lý		
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30,000,000	481,696,843
<b>Cộng</b>	<b>830,618,500</b>	<b>1,532,297,543</b>

**10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	14,934,367,339	366,607,475	2,468,394,872	580,686,840	18,350,056,526
Số tăng trong kỳ	25,218,728	-	260,000,000	41,290,000	326,508,728
Số giảm trong kỳ	13,482,599,728	-	-	-	13,482,599,728
Số dư cuối kỳ	1,476,986,339	366,607,475	2,728,394,872	621,976,840	5,193,965,526
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	1,587,892,731	360,531,106	1,761,090,337	449,977,033	4,159,491,207
Số tăng trong kỳ	71,247,134	6,076,369	276,738,732	42,633,999	396,696,234
- Khấu hao trong kỳ	71,247,134	6,076,369	276,738,732	42,633,999	396,696,234
- Tăng khác					-
Số giảm trong kỳ	1,071,748,546				1,071,748,546
Số dư cuối kỳ	587,391,319	366,607,475	2,037,829,069	492,611,032	3,484,438,895
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	13,346,474,608	6,076,369	707,304,535	130,709,807	14,190,565,319
Tại ngày cuối kỳ	889,595,020	-	690,565,803	129,365,808	1,709,526,631

**11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ		20,000,000	-	167,617,546	187,617,546
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-

Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	20,000,000	-	167,617,546	187,617,546
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ		13,883,333	-	68,328,520	82,211,853
Số tăng trong kỳ	-	1,500,000	-	21,092,629	22,592,629
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>		1,500,000	-	21,092,629	22,592,629
- <i>Tăng khác</i>					-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	15,383,333	-	89,421,149	104,804,482
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	-	6,116,667	-	99,289,026	105,405,693
Tại ngày cuối kỳ	-	4,616,667	-	78,196,397	82,813,064

## 12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/09/2012	1/1/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	<b>750,000,000</b>	<b>750,000,000</b>
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	750,000,000	750,000,000
<b>Cộng</b>	<b>750,000,000</b>	<b>750,000,000</b>

## 13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2012	1/1/2012
	VND	VND
Chi phí bản thảo	2,717,759,844	18,464,274
Chi phí trả trước dài hạn	5,420,455	6,883,016,766
<b>Cộng</b>	<b>2,723,180,299</b>	<b>6,901,481,040</b>

## 14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	558,888,909	628,750,023
Số tăng trong năm	-	-
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(52,395,837)	(69,861,114)
<b>Cộng</b>	<b>506,493,073</b>	<b>558,888,909</b>

## 15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2012	1/1/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6,793,087	26,694,404
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,403,764,049	1,700,166,394
Thuế thu nhập cá nhân	64,433,137	124,317,080
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	41,610,000	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,516,600,273</b>	<b>1,851,177,878</b>

## 16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2012	1/1/2012
	VND	VND
Chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới	684,464,659	1,118,972,376
Chi phí bản thảo và phí phát hành	114,529,031	115,176,714
Trích trước chi phí kiểm toán 2011	-	25,000,000
<b>Cộng</b>	<b>798,993,690</b>	<b>1,259,149,090</b>

## 17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2012	1/1/2012
	VND	VND
Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	-	-
Kinh phí công đoàn	56,461,055	155,912,516
Bảo hiểm xã hội	-	49,688,920



Bảo hiểm y tế	74,338,572	141,549
Bảo hiểm thất nghiệp	32,865,101	893,629
Phải thu Ông Như Văn Quang		28,950,000,000
Cổ tức 2011 chưa chia	16,484,600	
Nhuận bút phải trả cty dịch vụ xuất bản	577,817,028	137,206,028
Các khoản phải trả, phải nộp khác	807,484	428,911,965
<b>Cộng</b>	<b>758,773,840</b>	<b>29,722,754,607</b>

**18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/09/2012	1/1/2012
	VNĐ	VNĐ
Ký quỹ của các đại lý	46,000,000	46,000,000
<b>Cộng</b>	<b>46,000,000</b>	<b>46,000,000</b>

**19 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/09/2012	1/1/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Đơn vị tính: VND*

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ hoạt động từ 01/07/2012 đến 30/09/2012	Kỳ hoạt động từ 01/07/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	52,199,839,420	45,501,869,364
<b>Cộng</b>	<b>52,199,839,420</b>	<b>45,501,869,364</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ hoạt động từ 01/07/2012 đến 30/09/2012	Kỳ hoạt động từ 01/07/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	39,438,927,521	33,162,859,153
<b>Cộng</b>	<b>39,438,927,521</b>	<b>33,162,859,153</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ hoạt động từ 01/07/2012 đến 30/09/2012	Kỳ hoạt động từ 01/07/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,086,739,700	3,477,086,042
Lãi đầu tư cổ phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
<b>Cộng</b>	<b>1,086,739,700</b>	<b>3,477,086,042</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ hoạt động từ 01/07/2012 đến 30/09/2012	Kỳ hoạt động từ 01/07/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	-
Chi phí tài chính khác	23,476,649	18,527,561
<b>Cộng</b>	<b>23,476,649</b>	<b>18,527,561</b>

**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ hoạt động từ 01/07/2012 đến 30/09/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/07/2011 đến 30/09/2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,423,913,508	8,150,805,029
Thuế TNDN hiện hành	1,380,817,380	1,875,969,909

**25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Trong 3 tháng quý 3 năm 2012, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:**

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Kỳ hoạt động từ 01/07/2012 đến 30/09/2012</i>	<i>Kỳ hoạt động từ 01/07/2011 đến 30/09/2011</i>
Góp vốn vào Công ty			
- Công ty CP Sách TBTH Cao Bằng	Công ty con	1,980,000,000	1,980,000,000
- Công ty CP ĐT & PT Trường PT Công nghệ Giáo dục	Công ty con	1,100,000,000	
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
- Công ty CP Sách TBTH Cao Bằng	Công ty con	40,800,270	-
- Công ty CP ĐT & PT Trường PT Công nghệ Giáo dục	Công ty con	-	

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Phạm Thị Hạnh**

**Vũ Thị Minh Nguyệt**

**Cần Hữu Hải**